

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **508/2021/HS-PT**

Ngày: 07-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng

Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 414/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Bị cáo kháng cáo: Trần Văn T (Tên gọi khác: **T1**); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1977, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn L, sinh năm: 1944 và bà Trần Thị Như Y, sinh năm: 1954; Vợ: Trần Thị Ngọc A, sinh năm: 1987; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án:

+ Ngày 18 tháng 5 năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích cho người khác” tại Bản án số: 53/2011/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 17 tháng 01 năm 2013 nhưng chưa bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích.

+ Ngày 15 tháng 4 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số: 40/2014/HSST. Ngày 28 tháng 4 năm 2014, bị cáo Trần Văn T có kháng cáo

xin giảm nhẹ hình phạt, tại Bản án số: 224/2014/HSPT ngày 21 tháng 7 năm 2014, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 19 tháng 8 năm 2019, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Ngày 21 tháng 6 năm 2013, bị Công an xã B, huyện Xuân Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh người gây thương tích tại Quyết định số: 67/QĐ-XPHC. Đến nay chưa chấp hành.

Nhân thân: Ngày 11 tháng 8 năm 2013, bị Ủy ban nhân dân xã B, huyện Xuân Lộc ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã (diện quản lý 163) tại Quyết định số 237/QĐ-UBND.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 cho đến nay.

- Những người bị hại trong vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 19 tháng 01 năm 2020 đến ngày 17 tháng 4 năm 2020, trên địa bàn huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; bị cáo Trần Văn T đã thực hiện 03 vụ án “Cố ý gây thương tích”, “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản”, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 14 giờ ngày 19 tháng 01 năm 2020, sau khi đã sử dụng rượu, bị cáo điều khiển 01 xe mô tô Honda Cub (chưa rõ biển số) và mang theo 01 con dao bằng kim loại, dài khoảng 25cm, cán dao quấn băng keo màu đỏ, lưỡi dao sắc nhọn đi tìm anh Võ Minh V để đánh. Khi bị cáo phát hiện anh V đang chăm sóc cây hoa để bán cạnh lề đường tỉnh lộ 766 thuộc ấp D, xã B, huyện C thì bị cáo đi đến phía sau lưng anh V, cầm dao trên tay phải đâm 01 cái từ trên xuống trúng vào vùng lưng bên phải của anh V gây thương tích rồi cầm theo dao và bỏ chạy. Do bị bị cáo đâm nên anh V liền chạy theo để bắt giữ bị cáo nhưng không bắt được. Sau đó, anh V được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện. Ngày 03 tháng 02 năm 2020, anh V làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc gây thương tích cho anh V nêu trên.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0224/TgT/2020 ngày 26 tháng 03 năm 2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai cấp cho anh Võ Minh V, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo bả vai phải kích thước 3,5x0,2cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 01%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Võ Minh V – 1979 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là 01%.

3. Kết luận khác: Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng lưng (vai phải): Vật sắc;
- Chấn thương mạn sườn phải: Vật tày.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng tháng 02 năm 2020, bị cáo Trần Văn T làm thuê cho anh Nguyễn Hải P với công việc trông coi rẫy điều tại ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, anh P đã có trả công cho bị cáo số tiền 1.400.000 đồng và cho bị cáo nghỉ việc. Đến khoảng 23 giờ 30 ngày 04 tháng 3 năm 2020, sau khi nhậu xong, bị cáo điều khiển 01 xe mô tô Attila (chưa rõ biển số) đến chòi rẫy của anh P với mục đích đòi thêm tiền công. Khi đến nơi, bị cáo yêu cầu anh P đưa thêm tiền công coi rẫy điều cho bị cáo vì bị cáo cho rằng số tiền 1.400.000 đồng mà anh P đưa bị cáo trước đó là không thỏa đáng, anh P không đồng ý và giữa hai người xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Lúc này, bị cáo liền sử dụng 01 sợi dây xích bằng kim loại dài khoảng 90cm mang theo trong người đánh liên tiếp nhiều cái trúng vào vùng đầu, vùng mặt, vùng cổ, ngực và tay của anh P gây thương tích. Anh P sau khi bị đánh đã bỏ chạy ra khỏi khu vực chòi rẫy. Thấy vậy, bị cáo liền chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 60B5-589.XX của anh P đang dựng trong chòi rồi điều khiển về nhà sử dụng. Đến ngày 08 tháng 3 năm 2020, Công an xã B đi tuần tra phát hiện bị cáo đang điều khiển xe mô tô biển số 60B5-589.XX thì truy đuổi, bị cáo để lại xe mô tô trên và tẩu thoát.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, anh Nguyễn Hải P làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc gây thương tích và cướp tài sản của anh P nêu trên.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0223/TgT/2020 ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai cấp cho anh Nguyễn Hải P, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết sẹo dưới mắt trái kích thước 1,5x0,1cm (áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 03%; Sẹo cánh tay trái kích thước 07x0,5cm (áp dụng Chương 8, mục

I.2). Tỷ lệ: 02%; Vết trầy xước da vùng mũi hiện để lại vết biến đổi sắc tố da (Áp dụng Chương 8, mục V). Tỷ lệ: 01%.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Hải P – 1974 áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư là 06%.

3. Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật tày.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển số 60B5-589.XX là 4.500.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 05 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2020, bị cáo Trần Văn T đi bộ ngang qua nhà ông Triệu Văn P1 tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện thấy cửa chính của nhà ông P1 đang mở, trong nhà không có người nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, bị cáo lén lút đột nhập vào bên trong phòng khách của nhà ông P1 thì phát hiện trên bàn nhựa trong phòng khách có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen và 01 chìa khóa xe mô tô. Bị cáo liền trộm cắp điện thoại, lấy chìa khóa xe mô tô rồi đi ra phía nhà bếp nơi dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu vàng, đen, trắng, biển số 60B5-190.XX cắm chìa khóa vào ổ khóa và trộm cắp xe chạy về nhà bà Nguyễn Thị H (là mẹ vợ T). Sau đó, bị cáo tháo biển số xe mô tô trên ra và đưa biển số cùng điện thoại trộm cắp được vứt bỏ trong vườn nhà bà H rồi đẩy xe mô tô trộm cắp được vào bên trong nhà kho của bà H cất giấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG, ngày 18 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung E 1200, màu đen, dạng nút bấm đã qua sử dụng là 100.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave S, màu vàng, biển số 60B5-190.XX là 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 7.100.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2020/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134; điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T **03 (Ba)** năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, **08 (Tám)** năm tù về tội “Cướp tài sản”, **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **13 (Mười ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 4 năm 2020.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 15 tháng 10 năm 2020, bị cáo T có đơn kháng cáo về hình phạt của bản án sơ thẩm, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt với lý do mức hình phạt quá nặng so với hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, không giao nộp thêm chứng cứ mới.

Bị cáo không tranh luận với ý kiến của Kiểm sát viên.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về các tội “Cố ý gây thương tích”, “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134; điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét tất cả các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo để áp dụng mức hình phạt 03 (Ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 08 (Tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”, 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo khai nại tình tiết có thời gian điều trị bệnh liên quan đến thần kinh nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên trình bày này không được chấp nhận. Như vậy, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết, chứng cứ mới.

Từ phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời

hạn luật định phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội đúng như mô tả tại bản án sơ thẩm, cụ thể: Bản thân bị cáo Trần Văn T có 02 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích, từ ngày 19 tháng 01 năm 2020 đến ngày 17 tháng 4 năm 2020 liên tiếp có các hành vi vi phạm pháp luật hình sự:

- Vào ngày 19 tháng 01 năm 2020, tại ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai, bị cáo T có hành vi sử dụng 01 con dao bằng kim loại đâm 01 cái trúng vào vùng lưng bên phải của anh Võ Minh V, gây thương tích cho anh V với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

- Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai, bị cáo T có hành vi sử dụng 01 sợi dây xích bằng kim loại đánh nhiều cái trúng vào vùng đầu, vùng mặt, vùng cổ, ngực và tay của anh Nguyễn Hải P, gây thương tích cho anh P với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 06% và chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 60B5-589.XX của anh P trị giá 4.500.000 đồng.

- Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai, bị cáo T có hành vi trộm cắp của ông Triệu Văn P1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen trị giá 100.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu vàng, đen, trắng, biển số 60B5-190.XX, trị giá 7.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 7.100.000 đồng

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về các tội danh “Cố ý gây thương tích”, “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134; điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nại việc bản thân đã từng điều trị bệnh liên quan đến thần kinh, tuy nhiên bị cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh mặc dù đã được Hội đồng xét xử tạo điều kiện, do đó trình bày này không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo

Về mức hình phạt áp dụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo T các tình tiết giảm nhẹ gồm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế để áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

Trên cơ sở đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của các tội danh “Trộm cắp tài sản” và “Cố ý gây thương tích” từng hành vi phạm tội của bị cáo,

Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt bị cáo mức án 03 (Ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với tội danh “Cướp tài sản” Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 60B5-589.XX đã được thu hồi giao trả lại cho người bị hại nên hậu quả phần nào được hạn chế nên chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo, giảm 1 phần hình phạt đối với tội “Cướp tài sản” cho bị cáo T.

[4] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, riêng phần đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với tội “Cướp tài sản” không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên phần này không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc về hình phạt đối với tội danh “Cướp tài sản”

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 134; điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T **03 (Ba)** năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, **07 (Bảy)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “Cướp tài sản”, **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 03 tội là **13 (Mười ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 4 năm 2020.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp tỉnh, huyện;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Sở Tư pháp;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV06-Công an tỉnh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sự